

Số: /TT- ĐHCĐ 2021

Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 04 năm 2021

**TỜ TRÌNH**  
**THÔNG QUA BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2020**  
**TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Thực hiện quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty CP Lilama 45.3.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần CP Lilama 45.3, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).

Căn cứ Báo cáo kiểm toán số 186/BCKT – TC/AVA ngày 12/03/2021 của Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam: Báo cáo tài chính năm 2020 đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của công ty tại thời điểm 31/12/2020, cũng như Kết quả hoạt động SXKD và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo.

Báo cáo tài chính năm 2020 đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải toàn văn trên Website của Công ty ([www.lilama45-3.com](http://www.lilama45-3.com)), bao gồm:

- (1) Báo cáo của kiểm toán viên;
- (2) Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020;
- (3) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020;
- (4) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- (5) Thuyết minh Báo cáo tài chính;

Một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính 2020, như sau:

**I. Bảng cân đối kế toán:**

*ĐVT: Đồng*

NỘI DUNG	Số liệu tại 31/12/2020	Số liệu tại 31/12/2019	Tăng, giảm (20-19)
<b>I. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>350,239,496,527</b>	<b>552,841,289,168</b>	<b>(202,601,792,641)</b>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	7,596,623,304	9,192,725,957	(1,596,102,653)
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
3. Phải thu ngắn hạn	184,321,802,501	269,876,987,259	(85,555,184,758)
Trong đó: - Nợ phải thu khách hàng	165,371,708,015	261,238,852,923	(95,867,144,908)
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(3,100,948,881)	(5,610,962,388)	2,510,013,507
4. Hàng tồn kho	158,321,070,722	273,771,575,952	(115,450,505,230)
5. Tài sản ngắn hạn khác	-	-	-
<b>II. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>43,321,565,169</b>	<b>52,884,585,785</b>	<b>(9,563,020,616)</b>

1. Các khoản phải thu dài hạn	-	1,322,015,000	(1,322,015,000)
2. Tài sản cố định	20,738,803,168	23,938,339,984	(3,199,536,816)
- Tài sản cố định hữu hình	20,738,803,168	18,507,177,753	2,231,625,415
+ Nguyên Giá	77,263,645,885	72,644,147,380	4,619,498,505
+ Giá trị hao mòn lũy kế	(56,524,842,717)	(54,136,969,627)	(2,387,873,090)
- Tài sản cố định vô hình	-	-	-
+ Nguyên Giá	55,000,000	55,000,000	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	(55,000,000)	(55,000,000)	-
- Tài sản cố định thuê tài chính	-	5,431,162,231	(5,431,162,231)
+ Nguyên Giá	-	8,135,177,801	(8,135,177,801)
+ Giá trị hao mòn lũy kế	-	(2,704,015,570)	2,704,015,570
4. Tài sản dở dang dài hạn	-	-	-
5. Đầu tư tài chính dài hạn	20.698.000.000	25.600.000.000	(4.902.000.000)
6. Tài sản dài hạn khác	1,884,762,001	2,024,230,801	(139,468,800)
<b>III. TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>393,561,061,696</b>	<b>605,725,874,953</b>	<b>(212,164,813,257)</b>
<b>IV. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>345,398,103,675</b>	<b>557,793,753,156</b>	<b>(212,395,649,481)</b>
1. Nợ ngắn hạn	345,398,103,675	557,793,753,156	(212,395,649,481)
2. Nợ dài hạn	-	-	-
<b>V. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>48,162,958,021</b>	<b>47,932,121,797</b>	<b>230,836,224</b>
<b>1. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>48,162,958,021</b>	<b>47,932,121,797</b>	<b>230,836,224</b>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	35,000,000,000	35,000,000,000	-
- Thặng dư vốn cổ phần	4,277,672,000	4,277,672,000	-
- Quỹ đầu tư phát triển	33,000,546,177	33,000,546,177	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	2,087,212,068	2,087,212,068	-
- Lợi nhuận chưa phân phối	(26,202,472,224)	(26,433,308,448)	230,836,224
<b>2. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>393,561,061,696</b>	<b>605,725,874,953</b>	<b>(212,164,813,257)</b>

## II. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020:

DVT: Đồng

CHỈ TIÊU	TH năm 2020	TH năm 2019	TH2020/TH2019 (%)
1. Doanh thu bán hàng & CCDV	500,120,430,751	193,049,176,853	259.1%
2. Giá vốn hàng bán	472,072,228,134	169,947,985,184	277.8%
3. Lợi nhuận gộp về BH và c/c DV	28,048,202,617	23,101,191,669	121.4%
4. Doanh thu hoạt động tài chính	122,487,578	65,157,025	188.0%
5. Chi phí tài chính	21,094,810,582	16,195,207,295	130.3%
- Trong đó: Lãi vay phải trả	20,652,237,287	15,816,128,729	130.6%
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	6,724,091,570	7,394,037,413	90.9%
7. Lợi nhuận thuần từ HĐSXKD	351,788,043	(422,896,014)	(83.2%)

8. Thu nhập khác	279.779.604	626,443,000	44,7%
9. Chi phí khác	400.731.423	101,271,663	395,7%
10. Lợi nhuận khác	(120,951,819)	525,171,337	(23,0%)
11. Tổng lợi nhuận trước thuế	230,836,224	102,275,323	225,7%
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-
13. Lợi nhuận sau thuế TNDN	230,836,224	102,275,323	225,7%
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	66	29	227,6%

### III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2019
1	<b>Cơ cấu tài sản</b>	%		
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản		11,01	8,73
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		88,99	91,27
2	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>	%		
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn		87,76	92,09
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn		12,24	7,91
	- Nợ phải trả/Nguồn vốn chủ sở hữu		Lần	7,17
3	<b>Khả năng thanh toán</b>	Lần		
	- Khả năng thanh toán nhanh		0,56	0,50
	- Khả năng thanh toán hiện hành		1,01	0,99
4	<b>Tỷ suất lợi nhuận</b>	%		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		0,06	0,02
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		0,05	0,05
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu		0,48	0,21
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ		0,66	0,29

### IV. BÁO CÁO DỰ KIẾN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2020

- Căn cứ Luật doanh nghiệp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần LILAMA 45.3
- Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh và tình hình thực hiện SXKD năm 2020 của Công ty cổ phần LILAMA 45.3.
- Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng quản trị Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP

\* Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

TT	Nội dung	Cách tính	Số tiền (đồng)
1	Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2020		230.836.224
2	Thuế TNDN phải nộp năm 2020		0
3	Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2020	3=1-2	230.836.224

4	Các khoản trừ vào lợi nhuận sau thuế		-
5	Tổng lợi nhuận được phân phối năm 2020	5=3-4	230.836.224
6	<b>Phân phối lợi nhuận</b>		<b>230.836.224</b>
6.1	Trích lập quỹ đầu tư phát triển	6.1=(5 x35%)	
6.2	Trích lập quỹ khác thuộc VCSH	6.2=(5x5%	
6.3	Chuyển lợi nhuận năm 2020 giảm lỗ cho năm 2018		230.836.224
7	Lợi nhuận còn lại sau khi phân phối	8=5-6	-
8	<b>Số lỗ từ năm 2019 chuyển sang</b>		<b>26.433.308.448</b>
9	Trả cổ tức (VDL =35 tỷ đồng x 0%)	10 =35tỷ x 0%	0
10	<b>Chuyển số lỗ sang năm 2021</b>	<b>11=9-10</b>	<b>26.202.472.224</b>

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Lilama 45.3 báo cáo và kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Trân trọng!

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**CỦ THANH NGHỊ**